

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829805] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2205A)
CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 12
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: 12

STT	Mã SV	Họ và Tên	Đức	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B		Duy	5,0	5,4	5,2
2	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A		Hai	7,5	7,3	7,4
3	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A		Huong	7,9	8,0	8,0
4	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B			0,0	0,0	0,0
5	2122200018	Đặng Thanh	Phúc	20/08/2002	CCQ2205D		Phuc	6,8	7,0	6,9
6	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C		Quân	5,9	6,0	6,0
7	2122050032	Lê Nam	Quốc	26/03/2004	CCQ2205A		Q	7,6	7,5	7,5
8	2122050130	Dương Minh	Tân	22/12/2004	CCQ2205D		Tan	7,3	7,0	7,1
9	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	CCQ2205A		Thao	5,9	6,0	6,0
10	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A		Duy	5,0	5,0	5,0
11	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B		Trinh	5,3	5,0	5,1
12	2122050111	Võ Thanh	Trung	20/06/2004	CCQ2205D		Tuy	8,0	8,1	8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829801] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2205A)
CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 17
Số bài thi: 17
Số tờ giấy thi: 17

Nguyễn Văn Phước
Nguyễn Thị Hạnh
Nguyễn Văn Phước
Nguyễn Thị Hạnh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A		7,3	7,4	7,4
2	2122050151	Lê Quý	Cầu	11/10/2004	CCQ2205C		6,8	6,5	6,6
3	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A		7,0	6,9	6,9
4	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2024	CCQ2205A		7,3	7,0	7,1
5	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B		5,5	5,7	5,6
6	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		6,3	6,2	6,2
7	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A		7,6	7,2	7,4
8	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B		7,4	7,3	7,3
9	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		6,5	6,2	6,3
10	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A		6,5	6,2	6,3
11	2122050090	Trần Văn	Quyền	02/10/2004	CCQ2205C		7,3	6,9	7,1
12	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A		7,0	6,8	6,9
13	2120050122	Danh Thiện	Thanh	06/03/2002	CCQ2005D		0	0	0
14	2122050084	Võ Văn Minh	Thuận	29/06/2004	CCQ2205C		0	0	0
15	2122050021	Phạm Văn Thiện	Thuật	19/01/2001	CCQ2205A		5,8	6,2	6,0
16	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A		6,7	6,5	6,6
17	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	01/04/2003	CCQ2205D		7,6	7,3	7,4